

Số: 426/TB-UBND

Uông Bí, ngày 08 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 6389/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cấp đất dân cư khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí;

Căn cứ Quyết định số 6774/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 53 ô đất thuộc Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cấp đất dân cư khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí;

Căn cứ Quyết định số 6775/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND thành phố Uông Bí về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với 53 ô đất thuộc Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cấp đất dân cư khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí;

Căn cứ Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng 53 ô đất thuộc Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cấp đất dân cư khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí;

Căn cứ Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt bước giá để đấu giá thu tiền sử dụng đất đối với 53 ô đất thuộc Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cấp đất dân cư khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí (Tên gọi khác: Quy hoạch chi tiết 1/500 Nhóm nhà ở tại khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí);

Căn cứ Quyết định số 3702/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt điều chỉnh Tổng mặt bằng sử dụng đất Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư xen kẽ tại tổ 45C khu 12, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí;

- Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND thành phố về việc phê duyệt phương án đấu giá đối với 08 ô đất thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư xen kẽ tại tổ 45C khu 12, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí;

- Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND thành phố về việc đấu giá quyền sử dụng đối với 08 ô đất thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ

lệ 1/500 Khu dân cư xen kẽ tại tổ 45C khu 12, phường Quang Trung, thành phố
Uông Bí;

Căn cứ Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh
Quảng Ninh về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở xác định giá khởi điểm
để đấu giá quyền sử dụng 08 ô đất thuộc dự án Khu dân cư xen kẽ tại tổ 45C
khu 12, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí;

Căn cứ Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND thành
phố Uông Bí về việc phê duyệt bước giá để đấu giá thu tiền sử dụng đất đối với
08 ô đất thuộc Quy hoạch khu dân cư xen kẽ tại tổ 45C khu 12, phường Quang
Trung, thành phố Uông Bí;

UBND thành phố Uông Bí Thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản đối
với 61 ô đất thuộc Quy hoạch khu dân cư xen kẽ tại tổ 45C khu 12, phường
Quang Trung và Quy hoạch cấp đất dân cư khu 9 phường Quang Trung, thành
phố Uông Bí (Tên gọi khác: Quy hoạch chi tiết 1/500 Nhóm nhà ở tại khu 9
phường Quang Trung, thành phố Uông Bí), với các nội dung sau:

I. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA NGƯỜI CÓ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ:

Tên đơn vị: UBND thành phố Uông Bí,

Địa chỉ: Số 03, đường Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn, thành phố
Uông Bí.

II. TÊN, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CỦA TÀI SẢN ĐẤU GIÁ:

- Tên tài sản: 61 ô đất thuộc Quy hoạch khu dân cư xen kẽ tại tổ 45C khu
12, phường Quang Trung và Quy hoạch cấp đất dân cư khu 9 phường Quang
Trung, thành phố Uông Bí (Tên gọi khác: Quy hoạch chi tiết 1/500 Nhóm nhà ở
tại khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí).

- Số lượng: 61 ô đất.

- Chất lượng của tài sản đấu giá: Đạt đủ điều kiện để tổ chức đấu giá.

III. SỐ Ô, LÔ, GIÁ KHỞI ĐIỂM, BƯỚC GIÁ CỦA TÀI SẢN ĐẤU GIÁ:

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

IV. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá số 01/2016/QH14
ngày 17/11/2016.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ
Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của UBND thành
phố Uông Bí về việc ban hành tiêu chí đánh giá, chấm điểm lựa chọn tổ chức
đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Uông Bí;

V. THỜI HẠN, ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ:

- Thời gian: Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá trong thời
gian từ ngày 08/3/2023 đến ngày 10/3/2023 (theo giờ hành chính).

- Hình thức, địa điểm nộp hồ sơ: Hồ sơ nộp trực tiếp tại Tầng 4, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Uông Bí. Địa chỉ: Số 01 Đình Tiên Hoàng, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (Hoặc trực tuyến).

Lưu ý:

- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu và Căn cước công dân.
- Các tổ chức lập hồ sơ lập theo mẫu quy định. (Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn).
- Mọi thông tin chi tiết liên hệ: Văn phòng Trung tâm phát triển quỹ đất; hòm thư: phattrienquydatub@gmail.com; điện thoại liên hệ: 0336832256
- Đ/c Nguyễn Thành Lương – Viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Uông Bí – Điện thoại liên hệ: 0382190999. (Bộ phận phụ trách)

Thông báo này được đăng trên Cổng thông tin điện tử thành phố Uông Bí: <https://uongbi.gov.vn> và trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản: <https://dgts.moj.gov.vn>.

Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí trân trọng thông báo! 

Nơi nhận:

- CT, Các PCT UBND Thành phố (báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (để đăng tin);
- Cổng thông tin điện tử thành phố Uông Bí (để đăng tin);
- UBND phường Quang Trung (p/h);
- Lưu: VT, PTQĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Tiệp

TỔNG HỢP DANH MỤC QUỸ ĐẤT ĐẦU GIÁ

(Kèm theo Thông báo số 426/TB-UBND ngày 08/03/2023 của UBND thành phố Uông Bí)

STT	TÊN QUY HOẠCH	LÔ ĐẤT	Ô ĐẤT	DIỆN TÍCH (M2)	GIÁ KHỞI ĐỀM/M2 (ĐỒNG)	TỔNG GIÁ TRỊ KHỞI ĐỀM/Ô ĐẤT (ĐỒNG)	BƯỚC GIÁ (ĐỒNG)	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cấp đất dân cư khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí (Tên gọi khác: Quy hoạch chi tiết 1/500 Nhóm nhà ở tại khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	LK1	06	105,00	14.290.000	1.500.450.000	20.000.000	
			07	105,00	14.290.000	1.500.450.000	20.000.000	
			08	105,00	15.140.000	1.589.700.000	20.000.000	
			01	127,00	16.440.000	2.087.880.000	20.000.000	
		LK2	02	105,00	13.540.000	1.421.700.000	20.000.000	
			03	105,00	13.540.000	1.421.700.000	20.000.000	
			04	105,00	13.540.000	1.421.700.000	20.000.000	
			05	105,00	13.540.000	1.421.700.000	20.000.000	
		LK3	06	105,00	13.540.000	1.421.700.000	20.000.000	
			07	105,00	13.540.000	1.421.700.000	20.000.000	
			08	135,00	14.380.000	1.941.300.000	20.000.000	
			01	135,00	14.380.000	1.941.300.000	20.000.000	
			02	105,00	13.540.000	1.421.700.000	20.000.000	
			03	105,00	13.540.000	1.421.700.000	20.000.000	
			04	105,00	13.540.000	1.421.700.000	20.000.000	
			05	105,00	13.540.000	1.421.700.000	20.000.000	

STT	TÊN QUY HOẠCH	LÔ ĐẤT	Ô ĐẤT	DIỆN TÍCH (M2)	GIÁ KHÔI ĐIỂM/M2 (ĐỒNG)	TỔNG GIÁ TRỊ KHÔI ĐIỂM/Ô ĐẤT (ĐỒNG)	BƯỚC GIÁ (ĐỒNG)	GHI CHÚ
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cấp đất dân cư khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí (Tên gọi khác: Quy hoạch chi tiết 1/500 Nhóm nhà ở tại khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	LK 3	06	105,00	13.540.000	1.421.700.000	20.000.000	
			07	105,00	13.540.000	1.421.700.000	20.000.000	
			08	127,00	16.440.000	2.087.880.000	20.000.000	
		LK4	01	135,00	15.140.000	2.043.900.000	20.000.000	
			02	105,00	14.290.000	1.500.450.000	20.000.000	
			03	105,00	14.290.000	1.500.450.000	20.000.000	
			04	105,00	14.290.000	1.500.450.000	20.000.000	
			05	105,00	14.290.000	1.500.450.000	20.000.000	
			06	105,00	14.290.000	1.500.450.000	20.000.000	
			07	105,00	14.290.000	1.500.450.000	20.000.000	
			08	127,00	17.190.000	2.183.130.000	20.000.000	
		LK7	01	126,00	14.380.000	1.811.880.000	20.000.000	
			02	112,00	13.540.000	1.516.480.000	20.000.000	
			03	133,00	13.540.000	1.800.820.000	20.000.000	
			04	112,00	13.540.000	1.516.480.000	20.000.000	
			05	98,00	13.540.000	1.326.920.000	20.000.000	
			06	98,00	13.540.000	1.326.920.000	20.000.000	
			07	98,00	13.540.000	1.326.920.000	20.000.000	
			08	98,00	13.540.000	1.326.920.000	20.000.000	
			09	98,00	14.380.000	1.409.240.000	20.000.000	

STT	TÊN QUY HOẠCH	LÔ ĐẤT	Ô ĐẤT	DIỆN TÍCH (M2)	GIÁ KHỞI ĐIỂM/M2 (ĐỒNG)	TỔNG GIÁ TRỊ KHỞI ĐIỂM/Ô ĐẤT (ĐỒNG)	BƯỚC GIÁ (ĐỒNG)	GHI CHÚ
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cấp đất dân cư khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí (Tên gọi khác: Quy hoạch chi tiết 1/500 Nhóm nhà ở tại khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	BT1	01	187,00	16.340.000	3.055.580.000	20.000.000	
			02	180,00	13.410.000	2.413.800.000	20.000.000	
			03	180,00	13.410.000	2.413.800.000	20.000.000	
			04	180,00	13.410.000	2.413.800.000	20.000.000	
			05	187,00	16.340.000	3.055.580.000	20.000.000	
		BT2	01	187,00	15.670.000	2.930.290.000	20.000.000	
			02	180,00	12.750.000	2.295.000.000	20.000.000	
			03	180,00	12.750.000	2.295.000.000	20.000.000	
			04	180,00	12.750.000	2.295.000.000	20.000.000	
			05	187,00	15.670.000	2.930.290.000	20.000.000	
		BT3	01	174,00	15.670.000	2.726.580.000	20.000.000	
			02	168,00	12.750.000	2.142.000.000	20.000.000	
			03	168,00	12.750.000	2.142.000.000	20.000.000	
			04	168,00	12.750.000	2.142.000.000	20.000.000	
			05	174,00	15.670.000	2.726.580.000	20.000.000	
		BT4	01	179,00	17.250.000	3.087.750.000	20.000.000	
			02	180,00	14.870.000	2.676.600.000	20.000.000	
			01	635,30	25.510.000	16.206.503.000	20.000.000	
			02	261,90	23.510.000	6.157.269.000	20.000.000	
			03	255,60	22.220.000	5.679.432.000	20.000.000	
4	Quy hoạch khu dân xen kẹp tại tổ 45C khu 12 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí							

STT	TÊN QUY HOẠCH	LÔ ĐẤT	Ô ĐẤT	DIỆN TÍCH (M2)	GIÁ KHỞI ĐIỂM/M2 (ĐỒNG)	TỔNG GIÁ TRỊ KHỞI ĐIỂM/Ô ĐẤT (ĐỒNG)	BƯỚC GIÁ (ĐỒNG)	GHI CHÚ
5	Quy hoạch khu dân xen kẹp tại tổ 45C khu 12 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí		04	249,40	22.220.000	5.541.668.000	20.000.000	
			05	243,10	22.220.000	5.401.682.000	20.000.000	
			06	236,80	22.220.000	5.261.696.000	20.000.000	
			07	230,60	22.220.000	5.123.932.000	20.000.000	
			08	259,40	22.220.000	5.763.868.000	20.000.000	
Tổng cộng: 61 ô đất				9.375,10		155.179.370.000		

(Bảng chữ: Một trăm năm mươi lăm tỷ một trăm bảy mươi chín triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng./.)